

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (FINANCING & BANKING)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Mã ngành: **7340201**

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân Tài chính - Ngân hàng đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; sử dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tài chính, ngân hàng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công việc ở các tổ chức; có năng lực tự học tập, bổ sung kiến thức, học tập ở trình độ cao hơn; có tư duy độc lập, năng động sáng tạo, chủ động trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, hội nhập, và có tầm nhìn chiến lược.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các kiến thức về An ninh - Quốc phòng và giáo dục thể chất.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn.

- PO3: Hiểu và vận dụng các chính sách về tài chính, tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, lãi suất, định giá, đầu tư,... đáp ứng được môi trường làm việc luôn thay đổi; đủ khả năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành tại ngân hàng, doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.2. Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

- PO5: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này.

- PO6: Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn tại đơn vị công tác, quản lý tốt hoạt động trong các ngân hàng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

1.2.3. Về thái độ

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng.

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Chuẩn đầu ra học phần đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra học phần ngành và chuyên ngành

PLO7: Áp dụng kiến thức về nguyên lý kinh tế, quản trị, tài chính, tiền tệ, marketing, thống kê, kế toán, thuế, định giá, đầu tư,... để hỗ trợ cho các công việc thuộc lĩnh vực kinh tế, từ đó làm nền tảng nghiên cứu các môn chuyên ngành. Sử dụng được kiến thức về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

PLO8: Hiểu các nghiệp vụ của ngân hàng, các nguyên tắc tài chính. Áp dụng được các kỹ thuật tính toán trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, và ngân hàng. Phân tích được chính sách tài chính, ngân hàng ở cấp độ vi mô và vĩ mô.

PLO9: Lập được bản kế hoạch hoạt động của một chuyên viên ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm, tư vấn tài chính. Đề xuất giải pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro; giải pháp kinh doanh hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

PLO10: Thu thập, lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề chuyên môn. Vận dụng quy định pháp luật kinh tế, tài chính, ngân hàng, và các quy định pháp luật có liên quan vào công việc.

PLO11: Sử dụng các công cụ tài chính để tác nghiệp, hoạch định, và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, quản trị ngân hàng, quản trị các trung gian tài chính phi ngân hàng, và quản trị tài chính các loại hình doanh nghiệp. Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp xử lý các công việc liên quan đến công tác tài chính, ngân hàng tới những đối tượng có liên quan.

PLO12: Sử dụng thành thạo Excel và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu tài chính, ngân hàng và công tác văn phòng. Có kỹ năng phản biện, sử dụng giải pháp thay thế đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh tế và công nghệ thông tin.

PLO13: Phân tích các báo cáo tài chính, định giá tài sản để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng, giải ngân. Từ đó, đánh giá chất lượng công việc đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của chuyên viên ngân hàng.

PLO14: Hướng dẫn, giám sát được những người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO15: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2	x		x	x											
PO3							x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4		x			x	x								x	x
PO5			x	x											
PO6									x	x	x	x	x	x	x
PO7	x	x												x	
PO8					x	x								x	x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1		x						x				x			
PLO2		x						x				x			
PLO3		x									x	x			
PLO4			x			x						x			
PLO5	x				x	x	x	x		x		x	x		
PLO6		x				x						x			
PLO7					x	x						x			
PLO8	x			x	x										
PLO9				x	x										x
PLO10						x	x	x		x					
PLO11						x			x	x					
PLO12			x					x				x			
PLO13						x		x	x					x	x
PLO14	x								x				x	x	x
PLO15	x					x						x			

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	71	22
1	Kiến thức cơ sở ngành	36	31	5
2	Kiến thức chuyên ngành	47	40	7
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng		121	95	26

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x	x										
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%															
1	Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%	x			x		x	x	x	x						x
2	Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng cộng		121	100%															

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1. Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác - Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2. Khối kiến thức bắt buộc (không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3. Khối kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
20	A25007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	30
21	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				

V.đ
NG
QC
ANH

VZ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36				
23	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	0	15	45
24	A25045	Toán kinh tế	2	15	0	15	30
25	B26001	Kinh tế vi mô	3	30	0	15	45
26	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30	0	15	45
27	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	0	15	45
28	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30	0	15	45
29	B26005	Marketing căn bản	3	30	0	15	45
30	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	0	45
31	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
32	B26100	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	30	0	15	45
33	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 1			3				
34	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30	0	60
35	B26072	Kế toán tài chính	3	30	0	15	45
36	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30	0	60
Kiến thức tự chọn 2			2				
37	A26230	Luật kinh tế	2	15	0	15	30
38	B27023	Đầu tư quốc tế	2	15	0	15	30
39	B27081	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	15	0	15	30
2.2. Kiến thức chuyên ngành			47				
40	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
41	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30	0	15	45
42	B26104	Thị trường chứng khoán	2	15	30	0	45
43	B26069	Tài chính công	2	30	0	0	30
44	B27008	Quản trị tài chính	3	30	0	15	45
45	B27191	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	30	30	0	60
46	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30	0	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
47	B27046	Nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng	3	30	30	0	60
48	B27099	Quản trị ngân hàng thương mại	3	30	30	0	60
49	B27101	Thẩm định tín dụng	3	30	0	15	45
50	B27102	Thực tập nghề nghiệp TCNH	4	0	180	0	180
51	B27103	Định giá tài sản	3	30	0	15	45
52	B27104	Luật ngân hàng	2	15	0	15	30
53	B28005	Kế toán ngân hàng	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 1			3				
54	B27130	Tín dụng ngân hàng	3	30	30	0	60
55	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30	0	15	45
56	B27108	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	30	0	15	45
57	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 2			2				
58	B27047	Nghiệp vụ ngân hàng doanh nghiệp	2	15	30	0	45
59	B27100	Marketing ngân hàng	2	15	30	0	45
60	B27049	Ngân hàng chính sách	2	15	0	15	30
61	B27050	Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng	2	15	30	0	45
Kiến thức tự chọn 3			2				
62	B27048	Nghiệp vụ ngân hàng cá nhân	2	15	30	0	45
63	B26019	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	15	0	15	30
64	B27024	Tài chính quốc tế	2	15	0	15	30
65	B27041	Ngân hàng đầu tư	2	30	0	0	30
2.3. Kiến thức tốt nghiệp			10				
66	B28030	Khóa luận tốt nghiệp TCNH	10	0	450	0	450
<i>Hoặc các học phần thay thế</i>							
67	B27097	Bảo hiểm	2	15	0	15	30

15

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
68	B27022	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại	3	30	0	15	45
69	B27027	Đầu tư tài chính	3	30	0	15	45
70	B28035	Kiểm soát nội bộ trong ngân hàng	2	15	0	15	30

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. /.

KT. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành